TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/DS-ST
Ngày: 02/10/2018
V/v "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Bà **Hồ Thị Mai Hương**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Thanh Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 23/8, 26/9 và ngày 02/10/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2018/TLST-DS, ngày 11 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/2018/QĐXXST-DS ngày 10/8/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bùi Kim N**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp 2, xã Bình H T, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Lê Thị Bé S**, sinh năm 1963;

Nguyễn Văn V, sinh năm 1983;

Lê Thị Chúc D, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: ấp 3, xã Bình H T, huyện C L, Đồng Tháp.

(Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Bùi Kim N trình bày: Bà Lê Thị Bé S, anh Nguyễn Văn V và chị Lê Thị Chúc D (chị D là con ruột, anh V là rễ bà S) có hỏi vay chị N số tiền là 40.000.000đ, lãi suất thỏa thuận, để xoay sở việc gia đình, cụ thể như sau: Ngày 27/9/2017 vay 30.000.000đ và ngày 02/10/2017 vay 10.000.000đ. Khi vay tiền, bà S, anh V và chị D hứa trong vòng một tháng sẽ trả lại tiền cho chị N, cho đến nay đã quá hạn nhưng bà S, anh V và chị Dvẫn chưa trả nợ và trả lãi, chị D có viết biên nhận có bà S, chị D và ông V ký tên. Chị N yêu cầu tính lãi 1,66%/tháng theo từng thời điểm:

- Số tiền vay 30.000.000đ, từ ngày 27/9/2017 đến ngày 21/3/2018 là 05 tháng 24 ngày, tiền lãi là 2.888.400đ.

- Số tiền vay 10.000.000đ, từ ngày 02/10/2017 đến ngày 21/3/2018 là 05 tháng 19 ngày, tiền lãi là 935.133đ. Tổng số tiền lãi là 3.823.533đ. Chị N tiếp tục yêu cầu tính lãi 1,66%/tháng (đối với số tiền 40.000.000đ), kể từ ngày 22/3/2018 đến khi kết thúc vụ kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Bùi Kim N xác định đối với việc yêu cầu tính lãi (đối với số tiền 40.000.000đ), thì trong các giấy mượn nợ, giấy biên nhận ngày 02/10/2017 và 27/9/2017 không có ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận miệng việc vay mượn lãi suất 2%/tháng và bà S, anh V và chị D không đóng lãi từ khi vay cho đến hôm nay (việc thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng không có giấy tờ gì chứng minh). Nay chị N yêu cầu bà Lê Thị Bé S, anh Nguyễn Văn V và chị Lê Thị Chúc D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị N số tiền vốn vay là 40.000.000đ và tiền lãi từ ngày vay cho đến khi kết thúc vụ kiện (02/10/2018) là 1,66%/tháng. Ngoài ra, chị N không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

2. Bị đơn bà Lê Thị Bé S, anh Nguyễn Văn V và chị Lê Thị Chúc D trình bày: Bà S, anh V và chị D thừa nhận hiện nay còn nợ chị N số tiền 40.000.000đ và hiện nay chưa trả. Nay bà S, anh V và chị D đồng ý liên đới trả số tiền 40.000.000đ cho chị N, không đồng ý trả số tiền lãi theo yêu cầu của chị N, bởi vì bà S, anh V và chị D đã đóng lãi cho chị N quá cao, cụ thể vay số tiền 40.000.000đ thì phải đóng lãi là 10.000đ/1.000.000đ/ngày (40.000.000đ phải đóng 400.000đ/ngày) nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Ngoài ra, bà S, anh V và chị D không trình bày gì thêm.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp:

+ Chứng minh nhân dân + sổ hộ khẩu gia đình (photo);

+ Giấy biên nhận ngày 27/9/2017 (bản chính);

+ Giấy mượn nợ ngày 02/10/2017 (bản chính);

+ Biên bản làm việc ngày 23/3/2018 (photo);

+ Đơn xin xác nhận ngày 14/5/2018 (bản chính);

- Phía các bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào:

* Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất: Các tài liệu, chứng cứ.

* Các tình tiết vụ án các bên đương sự không thống nhất: Nguyên đơn và các bị đơn không thống nhất được về lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 40.000.000đ và số tiền lãi 1,66%/tháng tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử xong vụ kiện (02/10/2018) nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; các bị đơn có nơi cư trú tại xã Bình H T, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C L, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện, xét thấy: Hợp đồng dân sự vay tài sản đối với số tiền 30.000.000đ được xác lập vào ngày 29/7/2017 và hợp đồng dân sự vay tài sản đối với số tiền 10.000.000đ được xác lập ngày 02/10/2017 đến nay nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[4] Về tố tụng: Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và các bị đơn đều xác định trong vụ án này hai bên chỉ tranh chấp số tiền 40.000.000đ, không tranh chấp số tiền nào khác và trong vụ án này chỉ liên quan đến các đương sự có trên trên, không liên quan đến đương sự nào khác.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N yêu cầu Bé S, anh V và chị D có nghĩa vụ liên đới trả cho chị N số tiền vốn vay là 40.000.000đ và lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày vay cho đến khi kết thúc vụ kiện (02/10/2018) là có căn cứ một phần, bởi lẽ: Đối với số tiền vốn vay 40.000.000đ (ngày 27/9/2017 vay 30.000.000đ và ngày 02/10/2017 vay 10.000.000đ), trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bà S, anh V và chị D đều thừa nhận hiện nay còn nợ chị N số tiền vốn vay 40.000.000đ và hiện nay chưa trả, nay bà S, anh V và chị D đồng ý trả cho chị N số tiền vốn vay 40.000.000đ, xét đây là sự tự nguyện của bà S, anh V và chị D là phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với số tiền lãi mà chị N yêu cầu bà S, anh V và chị D trả với lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày vay cho đến khi kết thúc vụ kiện (02/10/2018) là chưa phù hợp với pháp luật, bởi vì: Chị N cho rằng hai bên vay có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng nhưng không có chứng cứ gì chứng minh và cũng không được phía các bị đơn thừa nhận. Còn bà S, anh V và chị D cho rằng vay của chị N số tiền 40.000.000đ và phải đóng lãi là 10.000đ/1.000.000đ/ngày (40.000.000đ phải đóng 400.000đ/ngày) nhưng không có chứng cứ gì chứng minh và cũng không được phía nguyên đơn thừa nhận. Như vậy, việc vay tiền của các bên là

có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì *"Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ"*. Do đó, chỉ chấp nhận việc chị N yêu cầu bà S, anh V và chị D trả số tiền vốn vay 40.000.000đ với lãi suất 0,83%/tháng là 4.025.500đ (30.000.000đ x 0,83% x 365 ngày = 3.029.000đ; 10.000.000đ x 0,83% x 360 ngày = 996.000đ); không chấp nhận yêu cầu việc trả lãi 1,66%/tháng đối với số tiền vốn vay 40.000.000đ.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị N về việc yêu cầu bà S, anh V và chị D trả số tiền vốn vay 40.000.000đ với lãi suất 0,83%/tháng (40.000.000đ + 4.025.500đ = 44.025.500đ); không chấp nhận yêu cầu của chị N về việc yêu cầu bà S, anh V và chị D trả số tiền 40.000.000đ với lãi suất 1,66%/tháng.

[7] Tại phiên tòa, chị N, bà S, anh V và chị D xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì chị N, bà S, anh V và chị D không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[8] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà S, anh V và chị D trả số tiền vốn vay 40.000.000đ và lãi 4.025.500đ nên bà S, anh V và chị D phải chịu 2.201.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị Bùi Kim N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 1.100.000đ. Chị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 800.000đ theo biên lai số 04519 ngày 11/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 429, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Kim N.

- Bà Lê Thị Bé S, anh Nguyễn Văn V và chị Lê Thị Chúc D phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị Bùi Kim N số tiền vốn vay là 40.000.000đ và số tiền lãi 4.025.500đ, tổng cộng là 44.025.500đ (Bốn mươi bốn triệu không trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Kim N về việc yêu cầu bà Lê Thị Bé S, anh Nguyễn Văn V và chị Lê Thị Chúc D về việc trả lãi 1,66%/tháng đối với số tiền vốn vay 40.000.000đ.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Bà Lê Thị Bé S, anh Nguyễn Văn V và chị Lê Thị Chúc D phải có nghĩa vụ liên đới chịu 2.201.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị Bùi Kim N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 1.100.000đ. Chị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 800.000đ theo biên lai số 04519 ngày 11/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C L.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

(đã ký)

Trịnh Hữu Chinh